

Bản án số: 179/2024/HS-ST
Ngày: 07-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Phương Trinh
- Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 163/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2024/HSST-QĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2024/HSST-QĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Ngô Thị Bích T, giới tính: nữ; tên gọi khác: không; sinh năm 2000 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Ngô Văn C và bà Trần Thị T1; anh, chị, em ruột: có 02 người, chồng: Phạm Hoàng T2 (đã ly hôn), con: Ngô Thị Bích N, sinh năm 2019;

Tiền sự: không, tiền án: không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2023.

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại:

1. Chị Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1998;

Địa chỉ: 1 đường I ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Anh M Hăm Mách Sa L, sinh năm 1998;

Địa chỉ thường trú: ấp La Ma, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Nơi ở: Đường số 1, tổ 5, ấp Bàu Sim, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chị Đinh Thị Việt T3, sinh năm 1998;

Địa chỉ: C ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

4. Chị Đặng Thị Thúy D, sinh năm 2000;

Địa chỉ: G ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

5. Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

6. Anh Đinh Thanh H1, sinh năm 2001;

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

7. Anh Đinh Thành Đ, sinh năm 2002;

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

8. Chị Nguyễn Thị Thu C1, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, ấp Bến Đò 1, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi ở: 47/4A tổ 4, ấp Tiền Lân 1, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Chị Huỳnh Kim H2, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 8 H, ấp G, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Anh Trần Hiếu N2, sinh năm 1987;

Địa chỉ thường trú: 075 ấp T, xã T, huyện P, Thành phố Cần Thơ.

Nơi ở: 22/5 ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Ngô Thị M1, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú: Ấp T, xã G, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi ở: 80B phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chị Nguyễn Minh T4, sinh năm 2004;

Địa chỉ thường trú: ấp 2, xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Nơi ở: 254/81 Âu Cơ, Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị cáo có mặt; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thị Bích T và Ngô Thị M1 đi hợp tác lao động tại Nga và cả hai cùng làm chung công ty với Nguyễn Thị Kim N1. Vào khoảng tháng 5/2023, T biết M1 và N1 có nhu cầu đi lao động tại Hàn Quốc nên nảy sinh ý định lợi dụng M1 để lừa đảo N1 và nhiều người quen của N1, M1 để lấy tiền tiêu xài.

Đến khoảng đầu tháng 6/2023, T sử dụng tài khoản Facebook có tên Cô H3 (đã lập tại Việt Nam vào tháng 8/2022) nhắn tin cho M1 qua tài khoản My N3, giới thiệu là bạn của T tên N4, hiện đang làm việc ở Hàn Quốc, hỏi M1 có muốn đi làm ở Hàn Quốc không thì sẽ giới thiệu. M1 hỏi lại T có bạn tên N4 làm việc

ở Hàn Quốc không thì T xác nhận là đúng. M1 nhắn tin với T qua tài khoản Cô H3 hỏi thủ tục đi Hàn Quốc. T trả lời chi phí đi Hàn Quốc là 110.000.000 đồng/người, ứng trước 33.000.000 đồng/người, số tiền còn lại đến Hàn Quốc thanh toán. M1 rủ N1 về Việt Nam để đi Hàn Quốc làm việc thì N1 đồng ý. Nghe M1 nói là rủ được N1 cùng đi Hàn Quốc, T sử dụng tài khoản Cô H3 trực tiếp nhắn tin với N1 qua M2 và báo chi phí để sang Hàn Quốc làm việc như đã báo với M1.

Trâm liên lạc với em họ tên Nguyễn Minh T4, nhờ T4 cho mượn số tài khoản tại Ngân hàng để khi có người chuyển tiền cho T thì giữ lại, khi T về Việt Nam thì chuyển lại cho T. T4 hỏi T tiền gì, T nói tiền đặt cọc đi Hàn Quốc. T4 đồng ý và nhắn cho T số tài khoản 0961548942 chủ tài khoản là Nguyễn Minh T4, tại ngân hàng M3.

N1 rủ bạn là Mô H4 Mách Sa L và Đinh Thị Việt T3 cùng đi Hàn Quốc thì cả hai đồng ý. T3 đồng ý và rủ thêm những người trong gia đình gồm: Đặng Thị Thúy D, Phạm Thanh P, Đinh Thanh H1, Đinh Thành Đ và báo cho T biết.

Chị M1 cũng giới thiệu cho những người làm chung công ty tại Nga là chị Nguyễn Thị Thu C1, anh Huỳnh Kim H2, anh Trần Hiếu N2 để liên lạc với T qua tài khoản Cô H3 để thỏa thuận về việc đi Hàn Quốc lao động.

Sau khi có được tài khoản Facebook của những người có nhu cầu đi Hàn Quốc, trong tháng 6/2023 (không rõ ngày), T sử dụng tài khoản Cô H3 lập group chat do T làm trưởng nhóm để thuận tiện liên lạc, trao đổi thông tin. T yêu cầu những người này chuyển số tiền ứng trước là 33.000.000 đồng vào tài khoản 0961548942 và chụp gửi căn cước công dân, hộ chiếu và hứa đến ngày 05/10/2023 sẽ được đến Hàn Quốc làm việc.

Đến ngày 04/7/2023, T, M1 và N1 về Việt Nam. T đến ngân hàng A kích hoạt lại tài khoản số 29822097 và yêu cầu T4 chuyển số tiền 195.000.000 đồng của các bị hại đã tạm ứng cho T. Sau khi nhận được tiền, T tiếp tục yêu cầu các bị hại đóng thêm tiền mua đồng phục là 4.600.000 đồng và tiền học nghề là 5.000.000 đồng, tổng cộng số tiền các bị hại đã chuyển cho T là 374.000.000 đồng. T lấy tiền chiếm đoạt của các bị hại mở quán ốc tại xã B, huyện H và mua xe máy, số tiền còn lại tiêu xài hết. Đến thời điểm đã hẹn nhưng không liên lạc được với T qua tài khoản Cô H3, các bị hại liên lạc với T4 thì T4 nói đã chuyển tiền cho T. Khi gặp T, T nói đã chuyển tiền cho N4 nhưng không chứng minh được nên các bị hại đã trình báo sự việc đến Công an huyện H. Các bị hại đã bị T chiếm đoạt số tiền cụ thể như sau:

1. Ngày 28/6/2023, chị Nguyễn Thị Kim N1 chuyển số tiền tạm ứng 15.000.000 đồng và ngày 18/8/2023 tiếp tục chuyển 9.600.000 đồng tiền đồng phục và học nghề, tổng số tiền 24.600.000 đồng.

2. Anh Mô Hăm Mách Sa L1: Ngày 28/6/2023 chuyển số tiền tạm ứng 15.000.000 đồng, ngày 18/8/2023 tiếp tục chuyển 9.600.000 đồng tiền đồng phục và học nghề, tổng cộng số tiền 24.600.000 đồng (nhờ chị Nguyễn Thị Kim N1 chuyển khoản).

3. Từ ngày 27/6/2023 đến ngày 04/9/2023, chị Đinh Thị Việt T3, chị Đặng Thị Thúy D, anh Phạm Thanh P, anh Đinh Thanh H1, anh Đinh Thành Đ chuyển

cho T tổng số tiền 230.000.000đồng (trong đó, T3, P, D, H1 bị chiếm đoạt mỗi người 44.000.000đồng, Đ bị chiếm đoạt 54.000.000đồng).

4. Chị Nguyễn Thị Thu C1 bị T chiếm đoạt số tiền 22.600.000đồng, cụ thể: ngày 02/7/2023, chuyển khoản 15.000.000đồng, ngày 18/8/2023 chuyển khoản 4.600.000đồng, ngày 02/9/2023 đưa trực tiếp cho T số tiền 3.000.000đồng.

5. Chị Huỳnh Kim H2: ngày 26/6/2023 chuyển khoản số tiền 30.000.000đồng, ngày 15/8/2023 chuyển tiếp số tiền 4.600.000 đồng, đến đầu tháng 9/2023 chuyển số tiền 3.000.000đồng, tổng số tiền bị chiếm đoạt là 37.600.000đồng;

6. Anh Trần Hiếu N2: ngày 20/6/2023 chuyển khoản số tiền 30.000.000đồng, ngày 15/8/2023 chuyển tiếp số tiền 4.600.000đồng, tổng số tiền bị chiếm đoạt là 34.600.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền T chiếm đoạt của 10 bị hại là 374.000.000đồng.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận không bàn bạc và không cho M1, T4 biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. M1 không bị chiếm đoạt tiền do T nói sẽ ứng trước cho M1, khi nào có tiền trả sau. Lời khai của T phù hợp với lời khai của M1 và T4.

Vật chứng thu giữ:

Xe máy hiệu SH biển số 83X1-214.21 do Ngô Thị Bích T đứng tên chủ sở hữu, T mua xe bằng tiền chiếm đoạt của các bị hại.

Điện thoại di động hiệu S: Trộm sử dụng liên lạc với các bị hại để chiếm đoạt tài sản.

01USB lưu cuộc nói chuyện giữa T3 và T (T đóng giả là Cô H3).

Về dân sự: Các bị hại yêu cầu T trả lại số tiền đã chiếm đoạt, T chưa thực hiện việc bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 175/CT-VKSHM ngày 27 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đã truy tố bị cáo Ngô Thị Bích T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Ngô Thị Bích T với mức án tù 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; xử lý tang vật và buộc bị cáo hoàn trả lại tiền cho các bị hại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị Bích T thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, xin giảm nhẹ hình phạt.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do cần tiền tiêu xài, Ngô Thị Bích T nói có thể làm thủ tục xuất khẩu đi lao động Hàn Quốc để lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại. Khoảng đầu tháng 6/2023, T sử dụng tài khoản Facebook có tên Cô H3 nhắn tin cho M1 qua tài

khoản My N3, giới thiệu là bạn của T tên N4, hiện đang làm việc ở Hàn Quốc, hỏi M1 có muốn đi làm ở Hàn Quốc không thì sẽ giới thiệu. Trâm thông tin chi phí đi Hàn Quốc là 110.000.000đồng/người, ứng trước 33.000.000đồng/người, số tiền còn lại đến Hàn Quốc thanh toán.

T liên lạc với Nguyễn Minh T4 nhờ T4 cho mượn số tài khoản tại Ngân hàng để khi có người chuyển tiền cho T thì giữ lại, khi T về Việt Nam thì chuyển lại cho T. T4 đồng ý và nhắn cho T số tài khoản 0961548942 chủ tài khoản là Nguyễn Minh T4 tại ngân hàng M3.

N1 rủ bạn là anh Mô Hăm Mách Sa L1, chị Đinh Thị Việt T3; chị T3 rủ những người trong gia đình gồm: chị Đặng Thị Thúy D, anh Phạm Thanh P, anh Đinh Thanh H1, anh Đinh Thành Đ.

Chị M1 giới thiệu chị Nguyễn Thị Thu C1, anh Huỳnh Kim H2, anh Trần Hiếu N2 liên lạc với T qua tài khoản Cô H3 để thỏa thuận.

Ngoài ra, T còn yêu cầu các bị hại đóng tiền mua đồng phục và tiền học nghề.

Tổng số tiền T chiếm đoạt của 10 bị hại là 374.000.000đồng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo Ngô Thị Bích T là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo vì cần tiền tiêu xài cá nhân đã cố ý đưa thông tin không trung thực để lừa đảo các bị hại và thực tế bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại số tiền là 374.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn truy tố bị cáo với tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, cần có mức án nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại, nuôi con còn nhỏ. Do đó, cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn đề nghị áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận không bàn bạc và không cho M1, T4 biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. M1, T4 không hưởng lợi từ hành vi của T. Do đó, không có cơ sở xem xét trách nhiệm đối với M1 và T4.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho các bị hại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

Xe máy hiệu SH biển số 83X1-214.21 do T đứng tên chủ sở hữu, T mua xe bằng tiền chiếm đoạt của các bị hại: Trả lại cho bị cáo nhưng giao cơ quan Thi hành án để đảm bảo thi hành án.

Điện thoại di động hiệu Samsung Trâm sử dụng liên lạc với các bị hại để chiếm đoạt tài sản: Cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

01 USB lưu cuộc nói chuyện giữa T3 và T (T đóng giả là Cô Hai): Tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử phạt bị cáo Ngô Thị Bích T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 23/9/2023.

2. Buộc bị cáo Ngô Thị Bích T trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể:

2.1. Chị Nguyễn Thị Kim N1 số tiền 24.600.000đồng;

2.2. Anh Mô H4 Mách Sa L1 số tiền 24.600.000đồng;

2.3. Chị Đinh Thị Việt T3 số tiền 44.000.000đồng

2.4. Chị Đặng Thị Thúy D số tiền 44.000.000đồng

2.5. Anh Phạm Thanh P số tiền 44.000.000đồng

2.6. Anh Đinh Thanh H1 số tiền 44.000.000đồng

2.7. Anh Đinh Thành Đ số tiền 54.000.000đồng

2.8. Chị Nguyễn Thị Thu C1 số tiền 22.600.000đồng.

2.9. Chị Huỳnh Kim H2 số tiền 37.600.000đồng;

2.10. Anh Trần Hiếu N2 số tiền 34.600.000đồng.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành đối với khoản tiền trên, hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Ngô Thị Bích T 01 xe máy hai bánh số loại SH125I màu trắng đen, dung tích xi lanh 124cm³, biển số 83X1-214.21, số máy:

JF95E0234237, số khung: FLHJF9504PY324130 nhưng giao Chi cục Thi hành dân sự huyện H để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu vàng, số Imei: 354690/57/797330/8 đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn).

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 USB lưu cuộc nói chuyện giữa T3 và T (đã lưu hồ sơ).

5. Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Ngô Thị Bích T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 18.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Công an huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mai